

三、语音 Pronunciation



第一部分 Part I

第 1-8 题：听录音，选择听到的音节

Questions 1-8: Listen to the recording and mark the syllables you hear.

- | | | | |
|----------|-------|---------|------|
| 1. sì | cì | 2. suān | cuān |
| 3. zǐ | cǐ | 4. zuàn | suàn |
| 5. jiǎ | xiǎ | 6. xīn | qīn |
| 7. jiāng | xiāng | 8. qiú | jiǔ |

第二部分 Part II

第 9-16 题：听录音，给下列词语中的“不”标注声调

Questions 9-16: Listen to the recording and add the tone marks to “不”.

- | | |
|-------------|--------------|
| 9. bu shì | 10. bu xiǎng |
| 11. bu hǎo | 12. bu kàn |
| 13. bu néng | 14. bu shuō |
| 15. bu qù | 16. bu mǎi |